

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất;

Ông La Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Văn S, sinh năm 1994 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn G, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Yên; nơi sinh sống: nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn L và bà Đặng Thị N; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2014/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Yên xử phạt tù Võ Văn S 01 năm 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2012/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Phú Yên xử phạt tù Võ Văn S 06 tháng về tội Trộm cắp tài sản, Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2013/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt tù Võ Văn S 09 tháng về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giữ ngày 21 tháng 10 năm 2019, đến ngày 31 tháng 10 năm 2019 tạm giam, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: thôn C 2, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: nhà trọ P, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh

Bình Dương, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 7, đường D6, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Anh Lý Q, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã Đ, huyện Q, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Anh Đào Thanh H, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: khu C 1, thị trấn B, huyện H, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: đường D10-5A, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1958; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Chị Hồ Ngọc A, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Nông; tạm trú: nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Chị Đinh Thị Bích D, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đậu Xuân S, sinh năm 1993; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: xóm 6, xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: đường D8/5A, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Võ Văn S tạm trú tại phòng trọ số 01 của nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khoảng tháng 6 năm 2019, Sơn đến huyện B làm ăn sinh sống. Đến tháng 9 năm 2019, Sơn nghỉ việc. Để có tiền sinh sống hàng ngày, Sơn lợi dụng sơ hở của người dân để lén lút lấy trộm tài sản. Từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến ngày 21 tháng 10 năm 2019, Sơn đã thực hiện các vụ lén lút lấy trộm tài sản sau:

Vụ thứ 1: khoảng 20 giờ ngày 12 tháng 9 năm 2019, Sơn đi bộ ngang qua phòng trọ số 4 của nhà trọ P thuộc khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương do anh Nguyễn Văn H thuê trọ thì thấy phòng không đóng cửa nên S mở cửa đi vào. S thấy anh H đang nằm ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu

OPPO F5, S lấy điện thoại di động này bỏ vào túi quần. Sau đó, S thấy có 02 chiếc ví da nam màu đen, S lục 02 chiếc ví da này lấy toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, S mang điện thoại di động đến thị xã C bán cho một tiệm điện thoại (không xác định được địa chỉ) được số tiền 1.000.000 đồng và S đã dùng vào việc sinh sống hàng ngày và chơi game.

Vụ thứ 2: khoảng 13 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2019, S đến tiệm tạp hóa H của chị Nguyễn Thị Thùy D để mua thẻ cào điện thoại di động. Khi vào tiệm Sơn gọi nhiều lần nhưng không ai trả lời nên S đi vào trong tiệm thì thấy chị D đang nằm ngủ, bên cạnh có 01 chiếc xô nhựa có tiền và 01 túi xách da màu đen bên trong. S đi đến lén lút chiếm đoạt chiếc xô nhựa này rồi mang về phòng trọ của mình kiểm tra thấy có số tiền 9.000.000 đồng, trong túi xách có nhiều thẻ cào điện thoại di động trị giá khoảng 6.000.000 đồng; S đã sử dụng số tiền và số thẻ cào này để sinh sống hàng ngày và chơi game.

Vụ thứ 3: khoảng hơn 10 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2019, S đi trong dãy nhà trọ B thì phát hiện phòng trọ số 7 do anh Lý Q thuê trọ không đóng cửa nên S đẩy cửa vào. S thấy anh Q đang nằm ngủ, bên cạnh có 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 nên S lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động này bỏ vào túi quần; sau đó, S bán cho một người khách (không rõ họ tên, địa chỉ) đi mua điện thoại di động tại tiệm điện thoại di động H của anh Đậu Xuân S tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương được số tiền 900.000 đồng và S đã dùng vào việc sinh sống hàng ngày và chơi game.

Vụ thứ 4: khoảng 16 giờ 30 phút ngày 14 tháng 10 năm 2019, S đi chợ B để mua đồ ăn. Khi S đi ngang cửa hàng bán rau của anh Đào Thanh H tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương thì thấy 01 chiếc túi xách của anh H để trên cuộn thép B40 nên Sơn lén lút vào chiếm đoạt rồi trốn thoát. S kiểm tra bên trong túi xách có 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng, 01 sợi dây chuyền bạc, số tiền 400.000 đồng và nhiều loại giấy tờ. S đưa điện thoại di động cho đối tượng tên Q (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) bán được 800.000 đồng, sợi dây chuyền bạc S cho đối tượng tên H (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) sử dụng, còn các giấy tờ S mang về phòng trọ cất giấu. Số tiền chiếm đoạt được S dùng vào việc để sinh sống hàng ngày và chơi game.

Vụ thứ 5: vào tháng 10 năm 2019, S lén lút chiếm đoạt số tiền 223.000 đồng và số thẻ cào điện thoại di động trị giá 290.000 đồng của bà Phan Thị Th là chủ nhà trọ B. Tổng trị giá tài sản S chiếm đoạt là 513.000 đồng và S dùng vào việc để sinh sống hàng ngày và chơi game.

Vụ thứ 6: khoảng 05 giờ 15 phút ngày 21 tháng 10 năm 2019, sau khi đi mua thẻ cào điện thoại về phòng trọ S thuê của nhà trọ B, S thấy phòng trọ số 4 do chị Hồ Ngọc A và chị Đinh Thị Bích D thuê trọ chung không khóa cửa, đèn còn sáng. S đẩy cửa vào thấy chị A đang nằm ngủ, S lén lút lấy chiếc túi xách của chị A, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus của chị A và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus của chị D. Sau đó, S ra bãi đất trống phía sau nhà trọ kiểm tra thấy trong túi xách có 01 sợi dây chuyền vàng 18k, số tiền 200.000 đồng và nhiều loại giấy tờ tùy thân. S lấy số tiền 200.000 đồng và sợi dây chuyền vàng

18k rồi rút túi xách ở bãi đất trống sau nhà trọ. S đưa điện thoại di động Iphone 7 Plus cho Q mang đi bẻ khóa. S mang điện thoại di động Iphone 6 Plus đến tiệm điện thoại H bán cho chị Nguyễn Thị B (bạn gái của anh Đậu Xuân S) được số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, S mang sợi dây chuyền vàng 18k đến tiệm vàng K tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để bán thì bị Công an huyện Bàu Bàng phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S thừa nhận sự việc phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố; bị hại H và bị hại D không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị hại Q, H, Th, A và D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án S, B và Tr vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 21 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 144), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu trắng, kiểu máy: MGC02LL/A; số sê-ri: FK1PXHR3G5QG, số IMEI: 35 445306 7967946.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 21 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 17), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của bị cáo S 01 sợi dây chuyền bằng kim loại hình dạng xoắn bên ngoài có phủ một lớp sơn màu vàng có kèm theo hình vuông bên ngoài có gắn đá màu trắng.

Theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 21 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 19), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã tạm giữ của bị cáo S 01 túi xách nữ màu đen, có 04 ngăn, dây đeo màu đen, dây xách màu vàng, bên trong có 01 bảng nhân viên tư vấn mang tên “A”; 02 thỏi son nước; 01 ví nữ màu hồng (bên trong ví màu hồng có 01 Giấy chứng minh nhân dân số 245302025 mang tên Hồ Ngọc A, 01 Giấy phép lái xe số 791182003607 mang tên Hồ Ngọc A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014740 mang tên Hồ Ngọc A, biển số xe 48D1-254.43, 01 thẻ Ngân hàng Đông Á Bank số 9704061265223091 mang tên Hồ Ngọc A), 01 thẻ Ngân hàng Shinhan Bank số 9704246009013839 mang tên Hồ Ngọc A và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc.

Theo Biên bản khám xét ngày 21 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 37 và 38), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã khám xét chỗ ở của bị cáo S và tạm giữ:

01 túi xách bằng vải màu đen có 05 ngăn, có quai đeo bằng vải dù màu đen, bên trong có một chiếc ví da nam màu đen, bên trong ví da có 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank số thẻ 9704 3666 15891 017 015 mang tên Đào Thanh H, 01

Giấy phép lái xe hạng A1 số 680142007439 mang tên Đào Thanh H, 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank số thẻ 9704050747467160 mang tên Đào Thanh H, 01 Chứng minh nhân dân số 251041483 mang tên Đào Thanh H, 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0050616, biển số 49T6-2192 mang tên Đào Văn C, 01 thẻ sinh viên số 16002437 mang tên Đào Thanh H.

01 túi xách bằng vải, màu đen có 05 ngăn, có dây đeo bằng vải dù màu đen, bên trong có 01 quyển tập ô ly vuông loại 96 trang, nhãn hiệu Hồng Hà (bên trong có nhiều chữ viết và có dấu mộc màu đỏ của Trường THCS L), 01 giấy chứng nhận kiểm định số 7515021, biển số 61C-363.81, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số BB 180358651 mang tên Nguyễn Hữu Tr, 01 chiếc ví da nam màu đen.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 41) kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại F5, màu vàng, đã qua sử dụng trị giá là 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 44) kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại F3, màu đen, đã qua sử dụng trị giá là 4.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 47) kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, loại J5, màu trắng, đã qua sử dụng trị giá là 1.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bạc, trọng lượng 2,5 lượng, đã qua sử dụng trị giá là 1.107.083 đồng; tổng cộng là 2.107.083 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng (bút lục số 50) kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6 Plus 16Gb, màu xám bạc, đã qua sử dụng trị giá là 4.000.000 đồng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus 128Gb, màu đen, đã qua sử dụng trị giá là 8.500.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 1,28 chỉ, đã qua sử dụng trị giá là 3.302.400 đồng; tổng cộng là 15.802.400 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, 01 sợi dây chuyền vàng 18k, 01 túi xách nữ màu đen, 01 ví nữ màu hồng, 01 bảng tên nhân viên tư vấn mang tên "A", 02 thỏi son, 01 Giấy chứng minh nhân dân số 245302025 mang tên Hồ Ngọc A, 01 Giấy phép lái xe số 791182003607 mang tên Hồ Ngọc A, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014740 mang tên Hồ Ngọc A, biển số xe 48D1-254.43, 01 thẻ Ngân hàng Đông Á Bank số 9704061265223091 mang tên Hồ Ngọc A), 01 thẻ Ngân hàng Shinhan Bank số 9704246009013839 mang tên Hồ Ngọc A và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc: đây là các tài sản hợp pháp của bị hại A nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại A theo Biên bản về việc trả

lại đồ vật, tài liệu ngày 17 tháng 01 năm 2020 (bút lục số 209); chị A không có yêu cầu gì khác.

Đối với 01 túi xách bằng vải màu đen, 01 chiếc ví da nam màu đen, 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên Đào Thanh H, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đào Thanh H, 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Đào Thanh H, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đào Thanh H, 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 49T6-2192 và 01 thẻ sinh viên mang tên Đào Thanh H: đây là các tài sản hợp pháp của bị hại H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại H theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17 tháng 01 năm 2020 (bút lục số 205).

Đối với 01 túi xách bằng vải, màu đen, 01 quyển tập ô ly vuông loại 96 trang nhãn hiệu Hồng Hà, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 7515021, biển số 61C-363.81, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số BB 180358651 mang tên Nguyễn Hữu Tr, 01 chiếc ví da nam màu đen: đây là tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Hữu Tr. Ngày 07 tháng 7 năm 2019, anh Tr bị đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ trộm tài sản. Tuy nhiên, bị cáo S khai nhận chiếc túi xách của anh Tr là của đối tượng Q, Q gửi cho bị cáo S giữ giúp nên chưa đủ căn cứ xác định bị cáo S lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Tr, khi nào làm rõ Cơ quan điều tra sẽ xử lý ở một vụ án khác. Cơ quan điều tra đã trả toàn bộ tài sản này cho anh Tr theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 17 tháng 01 năm 2020 (bút lục số 207). Anh Tr không có yêu cầu gì khác.

Đối với hành vi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus do bị cáo S phạm tội mà có của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B và Đậu Xuân S; chị B và anh Đậu Xuân S không biết nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Quá trình điều tra, bị cáo S còn khai có lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia và 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A3S tại một quán cà phê vòng bên đường QL13, tuy nhiên bị cáo S không xác định được địa điểm, không xác định được bị hại nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với đối tượng tên Q và tên H, Cơ quan điều tra đang xác minh làm rõ họ tên, địa chỉ; khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại H và bị hại D không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bị hại Q, H, Th, A và D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án S, B và Tr vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình tố tụng, bị hại H, D, Q, H, Th, D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; bị hại A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo S bồi thường thiệt hại. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Tòa án buộc bị cáo S bồi thường thiệt hại

5.500.000 đồng cho bị hại H; 15.000.000 đồng cho bị hại D; 4.000.000 đồng cho bị hại Q; 2.507.083 đồng cho bị hại H; 513.000 đồng cho bị hại Th; 8.500.000 đồng cho bị hại D và 1.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B.

Tại phiên tòa, bị cáo S đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại H, D, Q, H, Th, D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKSBB ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Văn S về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt tù bị cáo Sơn từ 04 năm đến 05 năm.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo S bồi thường thiệt hại cho bị hại H, D, Q, H, Th, D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B như trên.

Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại H và bị hại D không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên; bị cáo S đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại H, D, Q, H, Th, D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B.

Bị cáo nói lời sau cùng: do bị cáo lười nhác, ham chơi nên bị cáo đã lấy trộm tài sản của các bị hại; đây là lần cuối bị cáo phạm tội, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị hại Q, H, Th, A và D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án S, B và Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Danh bản (bút lục số 81) và Chỉ bản (bút lục số 82) của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu,

giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự; đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận:

Khoảng 20 giờ ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại phòng trọ số 4 của nhà trọ P, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 trị giá 2.500.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng của bị hại H; tổng trị giá tài sản là 5.500.000 đồng.

Khoảng 13 giờ ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại tiệm tạp hóa H, tổ 7, đường D6, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng và thẻ cào điện thoại di động trị giá 6.000.000 đồng của bị hại D; tổng cộng là 15.000.000 đồng.

Khoảng hơn 10 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại phòng trọ số 7 của nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 của bị hại Q trị giá 4.000.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại chợ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 trị giá 1.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền bạc 2,5 lượng trị giá 1.107.083 đồng và số tiền 400.000 đồng của bị hại H; tổng trị giá tài sản là 2.507.083 đồng.

Vào tháng 10 năm 2019, tại khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 223.000 đồng và thẻ cào điện thoại di động trị giá 290.000 đồng của bị hại Th; tổng trị giá tài sản là 513.000 đồng.

Khoảng 05 giờ 15 phút ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại phòng trọ số 4 của nhà trọ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus trị giá 4.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,8 chỉ trị giá 3.302.400 đồng và số tiền 200.000 đồng của bị hại A; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 8.500.000 đồng của bị hại D; tổng trị giá tài sản là 16.002.400 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo S chiếm đoạt là 43.522.483 đồng. Bị cáo không nghề nghiệp nên bị cáo đều lấy các lần phạm tội trên làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm b (có tính chất chuyên nghiệp), điểm g (tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để có tiền sinh sống và tiêu xài hàng ngày, trong thời gian từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến ngày 21 tháng 10 năm 2019, bị cáo liên tiếp thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện một cách liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo có nhân thân xấu; đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, các lần phạm tội trước đây của bị cáo cũng cùng nhóm tội chiếm đoạt tài sản. Điều này thể hiện bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong vụ án này bị cáo không thể hiện sự ăn năn hối cải, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo là còn thiếu sót.

[6] Tuy nhiên, xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa từ 04 năm đến 05 năm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 5.500.000 đồng cho bị hại H; 15.000.000 đồng cho bị hại D; 4.000.000 đồng cho bị hại Q; 2.507.083 đồng cho bị hại H; 513.000 đồng cho bị hại Th; 8.500.000 đồng cho bị hại D và 1.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án B.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị hại Ánh không yêu cầu bồi thường thiệt hại và không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: đã giải quyết, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Việc bị cáo S khai nhận chiếc túi xách của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tr là của đối tượng Q, Q gửi cho bị cáo S giữ giúp nên chưa đủ căn cứ xác định bị cáo S có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Tr, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Ngoài ra, bị cáo S còn khai có lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3S tại một quán cà phê vắng ven đường Quốc lộ 13, tuy nhiên bị cáo S không xác định được địa điểm, không xác định được bị hại nên không có cơ sở để xử lý.

Hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án S và B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý là phù hợp.

Đối tượng tên Q và tên H không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể; khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn S phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt tù bị cáo Võ Văn S 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc bị cáo Võ Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Thùy D số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), bồi thường thiệt hại cho bị hại Lý Q số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bồi thường thiệt hại cho bị hại Đào Thanh H số tiền 2.507.083 đồng (hai triệu năm trăm lẻ bảy nghìn không trăm tám mươi ba đồng), bồi thường thiệt hại cho bị hại Phan Thị Th số tiền 513.000 đồng (năm trăm mười ba nghìn đồng), bồi thường thiệt hại cho bị hại Đinh Thị Bích D số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị B số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong.

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, mục 1 Phần I, tiểu mục 1.3 mục 1 Phần II Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.851.004 đồng (một triệu tám trăm năm mươi một nghìn không trăm lẻ bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Huỳnh Kim Xuyên